

Bản án số: 13/2020/HC-PT

Ngày: 17 - 11 - 2020

V/v “*kiếu kiện quyết định hành  
chính, hành vi hành chính về  
lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:*

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Quốc Cường

*Các Thẩm phán:* Ông Nguyễn Văn Tiến

Ông Trương Công Thi

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Phạm Văn Phong - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao  
tại Đà Nẵng

- *Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng:* Ông Đoàn Minh Lộc  
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 17 tháng 11 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng  
xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 201/2020/TLPT-HC ngày  
24 tháng 7 năm 2020, về việc “*kiếu kiện quyết định hành chính, hành vi hành  
chính về lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-  
ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam bị kháng cáo, kháng nghị.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 124/2020/QĐ-PT ngày 26 - 10 -2020,  
giữa các đương sự:

1. Người khởi kiện: Ông Phan Ngọc Đ, sinh năm 1950; địa chỉ: Tổ 1, thị trấn  
H, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người khởi kiện: Luật sư Đào  
Duy K và luật sư Nguyễn Thanh C, Văn phòng Luật sư Đào Duy K - Đoàn luật sư  
tỉnh Quảng Nam; địa chỉ: tỉnh Quảng Nam, có mặt.

2. Người bị kiện: Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Hoàng Châu S, chức vụ: Phó Chủ tịch  
Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị kiện: Ông Trương  
Công H, chức vụ Phó Trưởng phòng TN&MT huyện T, có mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ủy ban nhân dân xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Xuân T, chức vụ: Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã B, có mặt.

- Ủy ban nhân dân xã D, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Nguyễn Văn H, chức vụ: Cán bộ Địa chính – Xây dựng xã D, có mặt.

- Công ty Cổ phần V chi nhánh Quảng Nam, địa chỉ: Thôn T, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Hoàng N, chuyên viên phát triển dự án Công ty CP V chi nhánh Quảng Nam, có mặt.

- Ông Trương Thanh M, sinh năm 1953; địa chỉ: Tổ 3, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Ông Phan Thanh V, sinh năm 1978; địa chỉ: Tổ 1, thôn 3, xã Bình Giang, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Ông M, ông V ủy quyền cho ông Phan Ngọc Đ tham gia tố tụng (văn bản ủy quyền ngày 20/5/2019).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của ông M, ông V: Luật sư Đào Duy K, Văn phòng Luật sư Đào Duy K - Đoàn luật sư tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Ông Hoàng Ngọc T, sinh năm 1948; địa chỉ: Tổ 3, thôn H, xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

- Ông Phạm Văn Đ, sinh năm 1954; địa chỉ: Thôn 6, xã D, huyện T, tỉnh Quảng Nam, có mặt.

Người kháng cáo: UBND huyện T; Công ty CP V chi nhánh Quảng Nam

Kháng nghị: Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

1. Theo đơn khởi kiện, các văn bản có trong hồ sơ vụ án, trình bày tại phiên tòa của ông Phan Ngọc Đ thể hiện:

Vào năm 2002, ông đại diện cho nhóm hộ (gồm 03 người là Phan Ngọc Đ, Trương Thanh M, Phan Văn V) lập dự án trang trại, trồng trọt và chăn nuôi. Dự án của ông đã được chính quyền địa phương chấp nhận và tạm giao diện tích đất dự kiến ban đầu là 05 ha ( $200m \times 250m = 50.000m^2$ ) tại khu Bầu Gộc, thôn T, xã B và thôn 6, xã D, huyện T. Vị trí thửa đất: Phía Đông giáp đất hoang cách đường 613 là 170m, phía Tây giáp đất hoang cách tường rào Công ty V 20m, phía Nam giáp đất hoang và phía Bắc giáp đất hoang cách đường biên giới xã D 25m. Nguồn gốc đất được giao là đất rừng trồng theo Dự án PAM 4034, nhưng trên đất lúc đó chủ yếu là đất trống, chỉ còn một số gốc cây dương liễu đã bị chặt phá và một số cây tước nhỏ tái sinh.

Sau khi được giao đất, nhóm hộ của ông đã trồng hơn 4.000 cây keo lá tràm, 600 cây điều lộn hột ghép và làm trại chăn nuôi dê, bò. Mỗi năm, khi bắt đầu mùa

mưa các ông đều trồng dặm thêm cây, đồng thời mở rộng diện tích trồng cây ra khu vực xung quanh còn bỏ trống. Do đó, thực tế diện tích đất nhóm hộ của ông quản lý, trồng cây là khoảng 9,2ha; trong đó diện tích nằm ở xã B khoảng 4,977ha và nằm ở xã D khoảng 4,2ha. Trong thời gian làm dự án, nhóm hộ của ông đã khai thác, bán tía được một số cây trồng, cây tái sinh và đã phát sinh những tranh chấp về cây trồng trên đất và được Tòa án các cấp giải quyết công nhận quyền sở hữu cây trồng cho nhóm hộ của ông.

Giữa năm 2017, Ủy ban nhân dân (UBND) huyện T đã tiến hành các thủ tục thu hồi toàn bộ diện tích 9,2ha đất của nhóm hộ ông quản lý, trồng cây để giao cho Công ty CP V chi nhánh Quảng Nam thực hiện dự án xây dựng khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam, bằng 02 quyết định: Quyết định số 1000/QĐUB ngày 13/9/2017, thu hồi 49.775,4m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất của UBND xã B quản lý và các hộ gia đình, cá nhân đang tranh chấp cây lâm nghiệp đang trồng trên đất, thuộc mảnh trích đo số 01, thửa đất số 03, tại thôn T, xã B và Quyết định số 1001/QĐUB ngày 13/9/2017, thu hồi 42.035,5m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất của UBND xã D quản lý và các hộ gia đình, cá nhân đang tranh chấp cây lâm nghiệp đang trồng trên đất, thuộc mảnh trích đo số 03, thửa đất số 51, tại xã D, huyện T. Ngày 13/9/2017, UBND huyện T ban hành Quyết định số 2146/QĐUB về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ. Tiếp đó, đến ngày 07/11/2017, Trung tâm phát triển hạ tầng thuộc Ban quản lý Khu kinh tế mở C ban hành Thông báo số 81 về việc, vào ngày 14/9/2017 Chủ đầu tư đã gửi số tiền bồi thường thiệt hại được duyệt là 2.259.468.700đ vào tài khoản tạm giữ tại Kho bạc huyện T. Ông Đ thấy rằng, việc UBND huyện T ban hành các quyết định trên là không đúng quy định của pháp luật về trình tự, thủ tục; cũng như xác định không đúng đối tượng thu hồi, chủ sử dụng đất. Ông và các thành viên trong nhóm hộ không nhận được các quyết định thu hồi đất: Quyết định số 1000/QĐUB, Quyết định số 1001/QĐUB và Quyết định số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017, mà chỉ nhận được Thông báo thu hồi đất số 222/TB-UBND ngày 08/9/2017 chỉ trước các quyết định trên 03 ngày.

Sau khi ông có đơn kiến nghị, khiếu nại gửi đến các cấp chính quyền, qua Thông báo số 81 ngày 07/11/2017 của Trung tâm phát triển hạ tầng thuộc Ban quản lý Khu kinh tế mở C và văn bản trả lời số 202/UBND-TNMT ngày 24/8/2018 của UBND huyện T, thì ông mới biết UBND huyện T ban hành các Quyết định số 1000/QĐUB, Quyết định số 1001/QĐUB và Quyết định số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017.

Tổng diện tích 91.810,9m<sup>2</sup> đất bị thu hồi tại các quyết định thu hồi đất là của nhóm hộ ông được giao quản lý, sử dụng từ năm 2002 đến nay. Nhưng UBND huyện T xác định chủ sử dụng, quản lý là UBND xã B và UBND D là không đúng quy định và thực tế quản lý, sử dụng đất.

UBND xã D xác nhận và UBND huyện T xác định cây trồng trên diện tích

42.035,5m<sup>2</sup> thuộc trích đo số 03, thửa đất số 51 bị thu hồi tại Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 do UBND xã D quản lý và các hộ gia đình, cá nhân gồm hộ ông Hoàng Ngọc T, Phan Ngọc Đ và Phạm Văn Đ đang tranh chấp cây lâm nghiệp trồng trên đất là không đúng, không có căn cứ. Vì việc tranh chấp cây đã được giải quyết tại các Bản án số 08/2018/DS-PT ngày 25/01/2018 của TAND tỉnh Quảng Nam và Bản án số 12/2009/DS-PT ngày 25/12/2009 của Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Đà Nẵng, công nhận nhóm hộ của ông là người sở hữu cây trên đất hợp pháp.

Bên cạnh đó, diện tích đất và tài sản của nhóm hộ ông bị thu hồi, giải tỏa, bồi thường theo các quyết định thu hồi đất và bồi thường thiệt hại theo Điều 61, Điều 62 của Luật Đất đai năm 2013 và bồi thường theo đơn giá do UBND cấp tỉnh ban hành là không đúng. Mà phải do UBND, chủ đầu tư là Công ty V chi nhánh Quảng Nam tự thỏa thuận bồi thường với nhóm hộ của ông. Ông đã khiếu nại nhưng đến nay chỉ nhận được văn bản trả lời số 202/UBND-TNMT ngày 24/8/2018 của UBND huyện T, nhưng không đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của nhóm hộ ông.

Do đó, ông Phan Ngọc Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án:

- Hủy Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Hủy Quyết định số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017 về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam.

- Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân xã D, Công ty cổ phần V và các cơ quan có trách nhiệm liên quan phải đo đạc, kiểm đếm lại diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi; xác định lại đúng chủ sở hữu đất (nhóm hộ ông Đ) và thực hiện việc bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho nhóm hộ ông Đ theo đúng quy định của pháp luật.

2. Theo Văn bản số 213/UBND-TNMT ngày 11/3/2019 và trình bày của đại diện theo ủy quyền của người bị kiện, thể hiện:

Tại thời điểm thu hồi 02 thửa đất trên để thực hiện dự án, thì ông Đ và nhóm hộ không có một trong các loại giấy tờ theo quy định tại Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014. Đồng thời, tại thời điểm thu hồi đất để thực hiện dự án khu phức hợp nghỉ dưỡng V Quảng Nam đã phát sinh tranh chấp quyền sử dụng đất. Cụ thể, tại cuộc họp ngày 09/9/2017, UBND xã D, huyện T xác định thửa đất số 51, mảnh trích đo địa chính số 03 xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông Phạm Văn Đ, Hoàng Ngọc T và Phan Ngọc Đ; tại cuộc họp ngày 26/8/2017, UBND xã B, huyện T xác định thửa đất số

03, mảnh trích đo địa chính số 01 xảy ra tranh chấp quyền sử dụng đất giữa hộ ông Hoàng Ngọc T và Phan Ngọc Đ.

Đến ngày 12/9/2017, UBND xã D đã lập Tờ trình số 122/TTr- UBND đề nghị UBND huyện T thu hồi đất của UBND xã Bình Dương quản lý và các hộ gia đình, cá nhân (ông Hoàng Ngọc T, Phan Ngọc Đ, Phạm Văn Đ) đang tranh chấp cây lâm nghiệp đang trồng trên đất đối với thửa số 51, trích đo địa chính số 03, diện tích 42.035,5m<sup>2</sup>, loại đất trồng rừng sản xuất.

Ngày 08/9/2017, UBND xã B đã lập Tờ trình số 92/TTr-UBND đề nghị UBND huyện T thu hồi đất của UBND xã B quản lý và các hộ gia đình cá nhân (cộng đồng dân cư thôn T, ông Hoàng Ngọc T, Phan Ngọc Đ) đang tranh chấp cây lâm nghiệp đang trồng trên đất đối với thửa số 03, trích đo địa chính số 01, diện tích 49.775,4m<sup>2</sup>, loại đất trồng rừng sản xuất.

Theo nội dung đề nghị của UBND xã B, UBND D và để đẩy nhanh tiến độ thực hiện dự án. UBND huyện T đã xin ý kiến chỉ đạo và UBND tỉnh đã ban hành Công văn số 4856/UBND-KTN chỉ đạo tập trung đẩy nhanh công tác BTGPMB công trình khu phức hợp nghỉ dưỡng V Quảng Nam. Từ những cơ sở trên, UBND huyện T đã ban hành các Quyết định thu hồi đất số 1000/QĐUB và số 1001/QĐUB ngày 13/9/2017.

Ngày 12/9/2017, Trung tâm phát triển hạ tầng thuộc Ban quản lý khu kinh tế mở C lập phương án bồi thường (đợt 1) dự án khu phức hợp nghỉ dưỡng V Quảng Nam trình UBND huyện T. Ngày 13/9/2017, Hội đồng thẩm định phương án bồi thường, hỗ trợ tái định cư huyện T đã lập Báo cáo số 51/BC-HĐTD thống nhất giá trị đề nghị UBND huyện T phê duyệt. Cùng ngày 13/9/2017, UBND huyện T đã ban hành Quyết định số 2146/QĐUB phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ (đợt 1) dự án khu phức hợp nghỉ dưỡng V Quảng Nam tại xã B và D.

Khu đất ông Đ kiến nghị và cây cối trên đất thu hồi được áp giá bồi thường với số tiền là 2.259.468.700đ. Việc thu hồi đất, áp giá bồi thường về đất và cây cối trên đất diện tích 49.775,4m<sup>2</sup> và 42.035,3m<sup>2</sup> để thực hiện dự án là đảm bảo quy định của Luật Đất đai năm 2013, Nghị định 43/2014/NĐ-CP, Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam. Đúng trình tự, thủ tục bồi thường, hỗ trợ và tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Quảng Nam và nội dung chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Nam.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Phạm Văn Đ trình bày: Năm 1995, ông được cấp 05 ha đất trồng rừng, qua kiểm đếm thực tế hiện nay ông còn 2,27 ha tại xã D, số cây trên diện tích đất này là 5.217 cây dương liễu theo Biên bản ngày 26/8/2017.

- Ông Hoàng Ngọc T trình bày: Diện tích đất của ông 0,3 ha không liên quan đến việc khởi kiện của ông Đ trong vụ án này.

- Đ diện Ủy ban nhân dân xã B trình bày: Đối với diện tích đất có tranh chấp

tại UBND xã B, xác định cây dương liễu là do cộng đồng dân cư trồng từ năm 1990. Sau đó, đến năm 2003 thì nhóm hộ ông Đ và ông T trồng thêm đào lộn hột và keo lá tràm. Thời điểm thu hồi đất thì có tranh chấp giữa nhóm hộ ông Đ và ông T.

- Đ diện Ủy ban nhân dân xã D trình bày: Diện tích đất tranh chấp là 4,2 ha giữa ông Phạm Văn Đ, Hoàng Ngọc T và Phan Ngọc Đ. Ngày 26/8/2017, xã đã tiến hành kiểm tra hiện trạng tranh chấp của 3 cá nhân; theo đó, dương liễu được xác định là của ông Đ trồng; keo không xác định được ai trồng.

*Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam đã quyết định:*

Căn cứ khoản 1, điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng hành chính năm 2015. Điều 62; Điều 63; Điều 66; khoản 2 Điều 77 Luật Đất đai năm 2013. Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của người khởi kiện:

Hủy Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Hủy Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về việc thu hồi đất để thực hiện dự án khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Hủy Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam;

Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân xã B, Ủy ban nhân dân xã D, Công ty CP V và các cơ quan có trách nhiệm liên quan phải đo đạc, kiểm đếm lại diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi, xác định lại đúng chủ sở hữu đất và thực hiện việc bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho ông Đ và nhóm hộ theo đúng quy định của pháp luật.

Ngoài ra Bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 21/5/2010, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm. Ngày 04/6/2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty CP V kháng cáo toàn bộ Bản án sơ thẩm.

Ngày 20/5/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị phúc thẩm Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam; đề nghị sửa Bản án sơ thẩm, bác yêu cầu khởi kiện của ông Phan Ngọc Đ.

*Tại phiên tòa phúc thẩm:*

Người bị kiện, Công ty CP V trình bày giữ nguyên kháng cáo. Đ diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu giữ nguyên kháng nghị.

Người bị kiện trình bày: UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất và quyết định phê duyệt phương án bồi thường cho ông Đ và nhóm hộ là có căn cứ pháp luật, phù hợp với Quyết định số 43/2014/QĐ-UBND ngày 22/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Nam. Trình tự thu hồi đất, thông báo bồi thường, niêm yết là đúng trình tự quy định của pháp luật. Cơ quan Nhà nước có sai sót trong việc quản lý đất đai, từ đó dẫn đến việc ông Đ và nhóm hộ lấn chiếm sử dụng đất trái phép. Tuy nhiên, Nhà nước vẫn đảm bảo quyền lợi cho ông Đ và nhóm hộ khi thu hồi đất. Hiện nay đất có tranh chấp giữa ông Đ và nhóm hộ. Đ nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Công ty CP V trình bày: Không đồng với Bản án sơ thẩm đã tuyên, đề nghị Tòa án bác đơn khởi kiện của ông Đ.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện trình bày và ông Đ bổ sung, thể hiện: Ông Đ và nhóm hộ đang quản lý, sử dụng đất, tại sao quyết định thu hồi đất lại thu của UBND xã. Ông Đ và nhóm hộ sử dụng từ 2002 đến 2007 không tranh chấp. Khi Nhà nước thu hồi đất ông Đ không biết được bồi thường là bao nhiêu, sau này ông Đ mới biết được bồi thường hơn 02 tỷ đồng. Ông Đ có đủ điều kiện để cấp GCNQSDĐ, vì đất sử dụng trước năm 2004. UBND huyện T ban hành quyết định thu hồi đất là không đúng thẩm quyền, không đúng đối tượng.

Ông Trương Thanh M, ông Phan Thanh V, ông Hoàng Ngọc T và ông Phạm Văn Đ phát biểu: Đ nghị Tòa án giải quyết đúng pháp luật, đảm bảo quyền lợi cho chúng tôi.

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm.

+ Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án theo trình tự phúc thẩm đến trước nghị án, người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã thực hiện việc tuân theo pháp luật đúng các quy định của Luật Tố tụng hành chính.

+ Về nội dung vụ án:

UBND huyện T căn cứ vào công văn số 4856/UBND-KTTH ngày 12/9/2017 và ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 và Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 thu hồi 91.810,9m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất do UBND xã B và UBND xã D quản lý và các hộ gia đình, cá nhân đang tranh chấp lấy lâm nghiệp đang trồng trên đất là đúng thẩm quyền theo khoản 3 Điều 66 Luật Đất đai năm 2013. Quá trình thu hồi đất, UBND huyện T tiến hành họp dân có đất bị thu hồi, ông Phan Ngọc Đ (đại diện nhóm hộ) đồng ý để cơ quan Nhà nước có thẩm quyền thu hồi đất trước thời hạn quy định mà không chờ đến hết thời hạn thông báo thu hồi đất theo khoản 2 Điều 67 Luật Đất đai năm 2013.

Hồ sơ đất đai kê khai theo Nghị định 64-CP ngày 27/9/1993 của Chính phủ, thể hiện: Sổ mục kê đất của xã B được Sở địa chính phê duyệt năm 1997, thì diện tích 49.775,4m<sup>2</sup> loại đất rừng sản xuất bị thu hồi là thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01, có tổng diện tích 734.994m<sup>2</sup> do UBND xã quản lý. Sổ mục kê đất của xã D được

duyet năm 1997 thì diện tích 42.035,5m<sup>2</sup> đất thuộc thửa đất số 83, tờ bản đồ số 26, có tổng diện tích 708.209m<sup>2</sup>, loại đất hoang do UBND xã D quản lý. Nhóm hộ ông Đ, ông T, ông Đ không kê khai theo quy định.

Quyết định số 2146/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ (đợt 1) có bồi thường về đất và cây cối hoa màu là đảm bảo đúng theo quy định của Luật Đất đai năm 2013 và Nghị định số 43/2014/NĐ-CP. Việc ông Đ buộc Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân các xã B, D, Công ty cổ phần V và các cơ quan có trách nhiệm liên quan phải đo đạc, kiểm đếm lại diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi; xác định lại đúng chủ sở hữu đất là không thể thực hiện được, lý do: Diện tích đất bị thu hồi cho dự án V đã thực hiện xong và đi vào hoạt động từ tháng 4/2018.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam, kháng cáo của UBND huyện T và Công ty CP V, sửa Bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ đơn khởi kiện của ông Phan Ngọc Đ.

*Sau khi nghe đương sự trình bày, tranh luận; ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên; căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có tại hồ sơ vụ án; sau khi thảo luận, nghị án.*

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

[1] Về tố tụng:

Ngày 21/5/2010, người đại diện theo pháp luật của người bị kiện kháng cáo; ngày 04/6/2020, người đại diện theo pháp luật của Công ty CP V kháng cáo và ngày 20/5/2020, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Nam kháng nghị Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam. Như vậy, kháng cáo và kháng nghị trên là trong thời hạn luật định, do vậy được Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về đối tượng khởi kiện, thẩm quyền giải quyết và thời hiệu khởi kiện:

Ông Phan Ngọc Đ khởi kiện Quyết định thu hồi đất số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017, Quyết định thu hồi đất số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017, Quyết định phê duyệt số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017 đều của Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam. Buộc Ủy ban nhân dân huyện T, Ủy ban nhân dân các xã B, D, Công ty cổ phần V và các cơ quan có trách nhiệm liên quan phải đo đạc, kiểm đếm lại diện tích đất và tài sản trên đất bị thu hồi; xác định lại đúng chủ sở hữu đất (nhóm hộ ông Đ) và thực hiện việc bồi thường thiệt hại, hỗ trợ cho nhóm hộ ông Đ theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy, các quyết định hành chính nêu trên do UBND huyện T ban hành trong quá trình quản lý Nhà nước về lĩnh vực đất đai là đối tượng khởi kiện và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam theo quy định tại Điều 30, Điều 32 Luật Tố tụng hành chính.

Ngày 13/9/2017, Ủy ban nhân dân huyện T, tỉnh Quảng Nam ban hành các quyết định: Quyết định thu hồi đất số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017, Quyết định



thu hồi đất số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 và Quyết định phê duyệt số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017, nhưng không giao cho ông Phan Ngọc Đ và các thành viên nhóm hộ. Ủy ban nhân dân huyện T không chứng minh được việc đã giao các quyết định trên cho ông Đ và các thành viên nhóm hộ. Ông Đ có đơn kiến nghị gửi UBND huyện T và khi ông Đ nhận được văn bản số 202/UBND-TNMT ngày 24/8/2018 của UBND huyện T về việc trả lời đơn của ông Đ, thì ông mới biết có các Quyết định thu hồi đất số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017, Quyết định thu hồi đất số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 và Quyết định phê duyệt số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017 do UBND huyện T ban hành. Ngày 27/11/2018, ông Phan Ngọc Đ khởi kiện vụ án hành chính tại Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam yêu cầu hủy Quyết định thu hồi đất số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017, Quyết định thu hồi đất số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 và Quyết định phê duyệt số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017 là trong thời hiệu khởi kiện quy định tại Điều 116 Luật Tố tụng hành chính.

[3] Về nội dung:

[3.1] Ngày 24/3/2017, UBND tỉnh Quảng Nam có Quyết định số 961/QĐ-UBND với nội dung: “ *Phê duyệt quy hoạch chi tiết xây dựng (tỷ lệ 1/500) Khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam (Dự án V), diện tích 179,0 ha thuộc xã D và xã B, huyện T, tỉnh Quảng Nam... UBND huyện T phối hợp, theo dõi quá trình triển khai thực hiện dự án; quản lý hiện trạng xây dựng và báo cáo các vấn đề liên quan cho UBND tỉnh biết để chỉ đạo giải quyết kịp thời...*”. Liên quan đến khu phức hợp du lịch nghỉ dưỡng V Quảng Nam (Dự án V), ông Phan Ngọc Đ và các thành viên nhóm hộ đang quản lý, sử dụng 42.035,5m<sup>2</sup> đất tại xã D và 49.775,4m<sup>2</sup> đất tại xã B bị thu hồi. Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại đơn kháng cáo của người bị kiện có nêu “*căn cứ theo hồ sơ địa chính Nghị định 64-CP của Chính phủ (bản đồ địa chính và sổ mục kê) cho thấy: Diện tích đất 49.775,4m<sup>2</sup> thuộc địa giới hành chính xã B là một phần thửa đất số 02, tờ bản đồ số 01, diện tích 734.994m<sup>2</sup> và một phần thửa đất số 03, tờ bản đồ số 02, diện tích 390.420m<sup>2</sup>, loại đất rừng tái sinh do UBND xã B quản lý. Diện tích đất 42.035,5m<sup>2</sup> thuộc địa giới hành chính xã D là một phần thửa đất số 83, tờ bản đồ số 26, tổng diện tích 708.209m<sup>2</sup>, loại đất cát hoang do UBND xã D quản lý...*”. Như vậy, thông tin về hai diện tích đất mà ông Phan Ngọc Đ và các thành viên nhóm hộ đang quản lý, sử dụng bị thu hồi không được người bị kiện trình bày, cũng như cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án cấp sơ thẩm trong quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm. Đồng thời, cũng không cung cấp cho Tòa án cấp phúc thẩm xem xét. Trong khi, đây là nghĩa vụ của người bị kiện đối với việc cung cấp tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét giải quyết.

[3.2] Quyết định số 4856/UBND-KTTH ngày 12/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam về việc tập hợp đẩy nhanh công tác BTGPMB công trình khu phức hợp nghỉ dưỡng V Quảng Nam, thể hiện: “... *Để kịp thời thu hồi đất, lập phương án*

*BTGPMB tại 02 thửa đất có diện tích 9,1ha đang có sự tranh chấp giữa cấp xã và các hộ dân về cây trồng trên đất tại địa bàn các xã: B, D, huyện T, bàn giao mặt bằng để đầu tư xây dựng Trạm GPS mới, UBND tỉnh thống nhất cho phép UBND huyện T và các ngành liên quan thực hiện các nội dung sau: Ban hành quyết định thu hồi 9,1ha do cấp xã quản lý và các hộ gia đình, cá nhân đang tranh chấp cây lâm nghiệp đang trồng trên đất ...”.* Căn cứ vào Quyết định số 4856/UBND-KTTH ngày 12/9/2017 của UBND tỉnh Quảng Nam nêu trên, Ủy ban nhân dân huyện T đã ban hành Quyết định số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 và Quyết định số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 để thu hồi 91.810,9m<sup>2</sup> đất trồng rừng sản xuất do UBND các xã B, D quản lý và các hộ gia đình, cá nhân đang tranh chấp cây lâm nghiệp đang trồng trên đất; Quyết định số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017 về phê duyệt phương án bồi thường hỗ trợ, giải phóng mặt bằng. Hội đồng xét xử thấy rằng: Mặc dù UBND tỉnh Quảng Nam không ra quyết định hành chính bị kiện hoặc quyết định hành chính có liên quan, nhưng việc thu hồi đất tại huyện T là theo chủ trương của UBND tỉnh Quảng Nam theo Quyết định số 4856/UBND-KTTH ngày 12/9/2017. Do đó, cần đưa UBND tỉnh Quảng Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan khi giải quyết vụ án để xem xét thẩm quyền ban hành các Quyết định thu hồi đất số 1000/QĐ-UBND ngày 13/9/2017, Quyết định thu hồi đất số 1001/QĐ-UBND ngày 13/9/2017 và Quyết định phê duyệt số 2146/QĐUB ngày 13/9/2017 theo quy định tại Điều 66 Luật Đất đai năm 2013.

[4] Với những nội dung được phân tích nêu trên, thấy rằng Tòa án cấp sơ thẩm khi xét xử không đưa UBND tỉnh Quảng Nam vào tham gia tố tụng với tư cách là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; chưa điều tra thu thập đầy đủ về nguồn gốc đất đai qua các thời kỳ, người quản lý đất đai khi bị thu hồi. Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng những nội dung này cấp phúc thẩm không thể bổ sung, khắc phục được tại phiên tòa. Do đó, cần hủy toàn bộ Bản án sơ thẩm và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

[5] Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện T và Công ty CP V không phải chịu.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH:**

1. Căn cứ khoản 3 Điều 241 Luật Tố tụng hành chính. Hủy Bản án hành chính sơ thẩm số 06/2020/HC-ST ngày 06/5/2020 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam, chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Nam xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật.

2. Án phí hành chính phúc thẩm: UBND huyện T và Công ty CP V không phải chịu. Trả lại cho UBND huyện T 300.000đ và Công ty CP V 300.000đ đã nộp tại

Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí số 0000470 ngày 22/5/2020 và số 0002501 ngày 30/6/2020 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Nam.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Thành viên Hội đồng xét xử**

**Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

(Đã ký)

(Đã ký)

**Nguyễn Văn Tiến    Trương Công Thi**

**Trần Quốc Cường**